TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 220/2022/TLST - HNGĐ ngày 29/11/2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2025 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn*:** Anh Trịnh Văn D, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn L, xã TX, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn:*** Chị Lê Thị Ph, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn Y, xã T V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt mặt tại phiên tòa.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Chị Lê Thị Lan, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Cầu B, thôn P, xã Đ T, huyện Yên Định, Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn K, xã Đăkbala, TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.3. Chị Thiều Thị L1, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn Th, xã Th1, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Lê Thị Phát, sinh năm: 1957; Địa chỉ: Thôn Y, xã T V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.5. Bà Trịnh Thị H2, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Phòng 410, Tòa CT3A, Thôn Mỹ Trì Thượng, huyện Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.6. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Thôn C , xã T V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.7. Anh Lê Huy Thuận, sinh năm: 1980; Đại chỉ: Thôn C, xã T V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.8. Chị Hoàng Thị Tuyết, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Thôn Y, xã T V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.9. Chị Lê Thị Viên, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn Y, xã T V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.10. Anh Nguyễn Văn Bảy, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Cầu Lim, thôn Ph, xã Đ T, huyện Yên Định, Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.11. Bà Vũ Thị H5, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Thôn Y, xã T V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.12. Bà Hoàng Thị Gh, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn TB, xã T N, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2022, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Trịnh Văn D trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn chị Lê Thị Phượng kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống ở Thôn Y xã T V hòa thuận hành phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh D bàn với chị Ph về quê chồng làm ăn sinh sống nhưng chị Ph không đồng ý. Từ đầu năm 2020 anh D về quê ở xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa sinh sống, vợ chồng ly thân, việc ai người đấy lo không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn chị Lê Thị Phượng.

Về con chung: Anh D và chị Phượng có 01 con chung là Trịnh Hoàng G B, sinh ngày 10/12/2017. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Trịnh Hoàng G B cho anh D nuôi dưỡng, trường hợp chị Phượng nuôi dưỡng anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn anh D nuôi con chung anh D không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh Dòng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn phản tố ngày 26/3/2023, trong quá trình giải quyết bị đơn là chị Lê Thị Phượng trình bày:

Chị Ph và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng có mâu thuẫn, nay anh D xin ly hôn chị Ph không đồng ý, ly hôn khi anh D trả công nợ và chia tài sản cho chị Ph.

Về con chung: Chị Phượng và anh D có 01 con chung là Trịnh Hoàng G B, sinh ngày 10/12/2017. Nếu phải ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Trịnh Hoàng G B cho chị Phượng nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph 2.500.000đ/ tháng.

Về tài sản: Chị Ph yêu cầu chia tài sản chung gồm 17 mẫu đất ở thôn Phú Hậu, chị Ph yêu cầu chia mỗi người sử dụng ½, 01 cặp bò trị giá 45.000.000đ, 02 chỉ vàng đã bán trả nợ cho anh D, 01 xe đạp điện lúc mua 12.000.000đ đề nghị được chia đôi.

Về công nợ: Vợ chồng nợ bà Lê Thị Lan tiền mua phân bón 68.000.000đ, nợ chị Nguyễn Thị Hòe 20.000.000đ, Nợ chị Thiều Thị Lâm 20.000.000đ, Nợ bà Lê Thị Phát 03 chỉ vàng, Nợ bà Trịnh Thị Hảo số tiền 2.000.000đ, Nợ bà Nguyễn Thị Ký số tiền 400.000đ, Nợ anh Lê Huy Thuận 500.000đ, Nợ Chị Hoàng Thị Tuyết số tiền 1.000.000đ, Nợ chị Lê Thị Viên số tiền 2.000.000đ, Nợ anh Nguyễn Văn Bảy số tiền 1.140.000đ, Nợ bà Vũ Thị Hạnh số tiền 18.000.000đ, Nợ bà Hoàng Thị Ghi số tiền 600.000đ. Tổng nợ là 148.840.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), Chị Ph đề nghị chia đôi công nợ mỗi người trả một nữa.

Quá trình giải quyết Tòa án yêu cầu chị Ph nộp lệ phí thẩm định tài sản nhưng chị Ph không nộp, Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị Ph không yêu cầu giải quyết về phần tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2023 (BL 140) Chị Nguyễn Thị Hòe khai có cho chị Ph và anh D vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vay mấy tháng rồi trả, nhưng mãi chưa trả, nay chị Ph và anh D ly hôn chị Hòe coi như cho hai vợ chồng chị Ph và anh D, xóa nợ, không ai nợ ai. Xin xử vắng mặt.

Ý kiến của chị Lê Thị Lan, chị Thiều Thị Lâm, bà Lê Thị Phát: Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác và đề nghị xét xử vắng mặt, các giấy tờ đề nghị Tòa án gửi qua bưu điện.

Những người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại không có bản khai không có yêu cầu nào liên quan gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa anh Trịnh Văn D và chị Lê Thị Phượng; Về giao nuôi con: Giao con chung là cháu Trịnh Hoàng G B, sinh ngày 10/12/2017 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng và anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là chị Lê Thị Phượng có nơi đăng ký hộ khẩu trường trú tại huyện Thiệu Hóa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lan, chị Lâm và bà Phát có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Chị Hòe, bà Hảo, bà Ký, anh Thuận, chị Tuyết, chị Viên, anh Bảy, bà Hòa, bà Ghi và chị Ph

lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa do đó căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan,

[2]. Về hôn nhân: Anh Trịnh Văn D và chị Lê Thị Phượng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hai bên không chung sống cùng nhau đã một thời gian dài, đã hơn 04 năm nay mỗi người ở một nơi, quá trình giải quyết vụ án mặc dù chị Ph cho rằng không muốn muốn ly hôn, nhưng ràng buộc anh D về tài sản, nếu trả nợ được thì mới ly hôn tuy nhiên quá trình không giải quyết được công nợ, nên không đồng ý ly; Xét thấy vụ án giải quyết đã lâu, thời gian cho hai bên hòa giải đoàn tụ dài nhưng anh D vẫn kiên quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh D được ly hôn chị Ph là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh D và chị Ph khai nhận vợ chồng có 01 con chung, tên cháu là cháu Trịnh Hoàng G B sinh ngày 10/12/2017; Anh D xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của Trịnh Hoàng G B, sinh ngày 10/12/2017 có ghi họ tên bố là anh Trịnh Văn D, họ tên mẹ là chị Lê Thị Phượng, như vậy đủ cơ sở khẳng định Trịnh Hoàng G B, sinh ngày 10/12/2017 là con chung của chị Ph và anh D.

Nguyện vọng của anh D và chị Ph đều mong muốn được nuôi con chung nếu ly hôn, nguyện vọng được nuôi con của hai bên là chính đáng, Tuy nhiên xét thấy từ nhỏ cháu Bảo chủ yếu ở cùng chị Ph, hiện tại cháu Bảo đã hơn 7 tuổi mong muốn ở cùng với chị Ph, nên giao chị Ph nuôi cháu Bảo là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"2.Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Đối với yêu cầu cấp dưỡng, theo quy định người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph mức 2.000.000đ/tháng là phù hợp với hoàn cảnh, thu nhập của hai bên.

[4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ph yêu cầu giải quyết rất nhiều khoản nợ, chia tài sản chung, mặc dù có đơn yêu cầu đã được Tòa án chấp nhận nộp tiền tạm ứng án phí về chia tài sản và công nợ, tuy nhiên quá trình giải quyết chị Ph không thực hiện việc đóng phí thẩm định và định giá tài sản, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị Ph không yêu cầu giải quyết về phần tài sản, Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập về phần tài sản và công nợ. Nên đình chỉ về phần tài sản và công nợ giữa các bên; Phần tài sản và công nợ nếu có các bên sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu thỏa thuận không được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Anh D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Phần án phí chị Ph đã nộp trả lại cho chị Ph là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trịnh Văn D được ly hôn chị Lê Thị Phượng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Hoàng G B sinh ngày 10/12/2017 cho chị Lê Thị Phượng trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trịnh Văn D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph mỗi tháng 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2025.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản của chị Lê Thị Phượng.

4. Về án phí: Anh Trịnh Văn D phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0006064 ngày 29/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, anh D còn phải nộp tiếp 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Lê Thị Phượng số tiền đã nộp là 4.261.000đ*(Bốn triệu hai trăm sáu mốt nghìn đồng)* theo biên lai số 0006177 ngày 28/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Nguyễn Xuân Thu** **Hoàng Văn Đạt**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt